

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA CỦA TỔ CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH  
ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC**

*(Ban hành kèm theo Công văn số: /CCTTHC ngày tháng 6 năm 2010 của  
Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. Thủ tục hành chính cấp trung ương**

**1. Thủ tục Giải quyết khiếu nại – B-UBA-051997-TT**

**1. Nội dung đơn giản hoá**

**1.1. Về trình tự thực hiện**

- Bổ sung quy định: Trường hợp yêu cầu giải quyết khiếu nại không thuộc thẩm quyền của cơ quan tiếp nhận đơn thì cơ quan tiếp nhận đơn sẽ chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời gửi văn bản thông báo cho cá nhân, tổ chức khiếu nại.

**Lý do:** Mục đích là phân loại để chuyển đơn giúp cá nhân, tổ chức có yêu cầu khiếu nại.

**1.2. Về thành phần hồ sơ**

Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn khiếu nại hợp lệ hoặc bản ghi lời khiếu nại; giấy ủy quyền khiếu nại (nếu có);

- Văn bản, tài liệu, hiện vật, báo cáo, trả lời, tường trình, giải trình hợp pháp của người khiếu nại, người bị khiếu nại (nếu có).

**Lý do:**

- Cá nhân, tổ chức chỉ cần cung cấp các giấy tờ, tài liệu nói trên là cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể thụ lý.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục.

**1.3. Về mẫu đơn**

- Quy định rõ mẫu đơn, mẫu tờ khai không bắt buộc phải làm theo mẫu.

**Lý do:** Việc tiếp nhận đơn theo mẫu đáp ứng yêu cầu khi công dân trực tiếp đến khiếu nại. Thực tế đơn gửi qua đường bưu điện không tuân thủ theo mẫu đơn số 32 (ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP) thì vẫn phải giải quyết, do đó không cần thiết quy định mẫu bắt buộc.

## ***2. Kiến nghị thực thi:***

- Về trình tự thực hiện: Sửa đổi Khoản 1 Điều 12, “Trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chánh thanh tra Ủy ban” Quy định về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân của cơ quan Ủy ban Dân tộc (Ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc).

- Về thành phần hồ sơ: Sửa đổi Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, cụ thể bổ sung quy định thành phần hồ sơ Khiếu nại.

## **2. Thủ tục Giải quyết Tố cáo - B-UBA-051969-TT**

### ***1. Nội dung đơn giản hoá***

#### **1.1. Về thành phần hồ sơ**

Quy định rõ thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo;

+ Văn bản, tài liệu, hiện vật, báo cáo, trả lời, tường trình, giải trình hợp pháp của người tố cáo, người bị tố cáo (nếu có).

#### **Lý do:**

- Cá nhân, tổ chức chỉ cần cung cấp các giấy tờ, tài liệu nói trên là cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể thụ lý.

- Quy định rõ thành phần hồ sơ để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục.

#### **1.2. Về mẫu đơn**

- Quy định rõ mẫu đơn, mẫu tờ khai không bắt buộc phải làm theo mẫu.

**Lý do:** Việc tiếp nhận đơn theo mẫu đáp ứng yêu cầu khi công dân trực tiếp đến tố cáo. Thực tế đơn gửi qua đường bưu điện không tuân thủ theo mẫu đơn số 32 (ban hành kèm theo Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTTP) thì vẫn phải giải quyết, do đó không cần thiết quy định mẫu bắt buộc.

## ***2. Kiến nghị thực thi***

- Sửa đổi Khoản 7 Điều 17 Quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân của cơ quan Ủy ban Dân tộc (Ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc); Điểm c Khoản 1 Điều 38 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại tố cáo.

- Sửa đổi Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, cụ thể bổ sung quy định thành phần hồ sơ tố cáo.

### **3. Thủ tục Thi đua, Khen thưởng - B-UBA-052037-TT**

#### ***1. Nội dung đơn giản hoá***

- Quy định thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng định kỳ của mỗi đợt xét khen thưởng là 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cụ thể:

+ Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: 15 ngày làm việc.

+ Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân theo quy định: 10 ngày làm việc.

+ Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, tập thể lãnh đạo Ủy ban xem xét, thông qua trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký quyết định: 03 ngày làm việc.

+ Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân cán bộ công chức, viên chức: 02 ngày làm việc.

- Quy định thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng đột xuất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Cụ thể:

+ Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: 07 ngày làm việc.

+ Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tiến hành họp bình xét khen thưởng đối với từng cá nhân theo quy định: 03 ngày làm việc.

+ Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng, tập thể lãnh đạo Ủy ban xem xét, thông qua trước khi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký quyết định: 03 ngày làm việc.

+ Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban ký ban hành Quyết định khen thưởng đối với cá nhân cán bộ công chức, viên chức: 02 ngày làm việc.

**Lý do:** Quy định rõ thời hạn giải quyết để đảm bảo tính minh bạch, nhanh chóng, kịp thời khen thưởng các cá nhân, tổ chức đạt thành tích trong lĩnh vực công tác dân tộc.

#### ***2. Kiến nghị thực thi:***

Sửa đổi Khoản 1 Điều 14 Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của Ủy ban Dân tộc; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 8/5/2008.

#### **4. Thủ tục Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” - B-UBA-051787-TT**

##### ***1. Nội dung đơn giản hoá***

- Quy định thời hạn xét kỷ niệm chương “ Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” định kỳ là 12 ngày làm việc.

- Quy định thời hạn xét kỷ niệm chương “ Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” đột xuất là 07 ngày làm việc.

**Lý do:** Quy định rõ thời hạn giải quyết để đảm bảo tính minh bạch, nhanh chóng, kịp thời trao tặng các cá nhân, đạt thành tích vì sự nghiệp phát triển các dân tộc.

##### **2. Kiến nghị thực thi**

Sửa đổi, bổ sung Điều 7 “Quy trình xét tặng kỷ niệm chương” Quy chế xét tặng kỷ niệm chương “vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” (Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 08/5/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc).

#### **II. Thủ tục hành chính cấp xã**

##### **1. Thủ tục cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn - B-UBA-071898-TT**

##### ***1. Nội dung đơn giản hoá***

###### **1.1. Về tên thủ tục**

- Thay đổi tên thủ tục thành “Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn”.

**Lý do:** Chính sách cho vay vốn theo Quyết định 32/2007/QĐ-TTg và Quyết định 126/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn” được chia thành 2 quy trình: quy trình phê duyệt đối tượng được vay vốn và quy trình triển khai cho vay vốn. Để phản ánh đúng với tính chất thủ tục Phê duyệt đối tượng được vay vốn do Ủy ban Dân tộc đã kê khai trong

quá trình thực hiện chính sách, tên thủ tục cần được đổi thành: “Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn”.

### 1.2. Về trình tự, cách thức thực hiện

- Quy định rõ trình tự xét duyệt đối tượng hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo các bước sau:

+ Bước 1: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng đặc biệt khó khăn đăng ký vay vốn phát triển sản xuất tại thôn, bản.

+ Bước 2: Các thôn, bản phối hợp với tổ chức chính trị xã hội tại cơ sở tiến hành bình xét các hộ gia đình đủ tiêu chuẩn vay vốn theo thứ tự ưu tiên.

+ Bước 3: Các thôn bản lập danh sách hộ đề nghị vay vốn kèm theo biên bản họp bình xét (có xác nhận của tổ chức chính trị cơ sở) để gửi UBND xã xác nhận.

+ Bước 4: Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp và xác nhận danh sách Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn của xã, gửi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

+ Bước 5: Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số nghèo được vay vốn, chuyển danh sách phê duyệt sang Ngân hàng chính sách xã hội để tiến hành cho vay theo quy trình, thủ tục do Ngân hàng chính sách xã hội quy định.

**Lý do:** Xác định rõ các bước cần thực hiện theo quy trình tổng hợp - phê duyệt danh sách được vay vốn - triển khai cho vay, để phân biệt trình tự thực hiện đối với người dân, với các cấp chính quyền cơ sở và của ngân hàng chính sách xã hội. Qua đó tránh thực hiện trùng lặp giữa các đơn vị với nhau nhằm giảm tối đa các thủ tục người vay vốn phải làm.

### 1.3. Về thành phần hồ sơ

- Quy định thành phần hồ sơ gồm:

+ Danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên (do thôn, bản lập).

+ Biên bản họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đặc biệt khó khăn (từ thôn, bản), có xác nhận của tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở.

**Lý do:** Văn bản hướng dẫn chưa quy định. Việc quy định rõ thành phần hồ sơ sẽ tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện thủ tục.

#### 1.4. Về thời hạn giải quyết

- Quy định thời hạn phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày các thôn, bản bắt đầu bình xét các hộ dân tộc thiểu số được vay vốn). Cụ thể:

+ Các thôn, bản phối hợp với tổ chức chính trị xã hội tại cơ sở tiến hành bình xét các hộ gia đình đủ tiêu chuẩn vay vốn theo thứ tự ưu tiên: 01 ngày làm việc.

+ Các thôn bản lập danh sách hộ đề nghị vay vốn kèm theo biên bản họp bình xét (có xác nhận của tổ chức chính trị cơ sở) để gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận: 02 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp và xác nhận danh sách Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn của xã, gửi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 15 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số nghèo được vay vốn, chuyển danh sách phê duyệt sang Ngân hàng chính sách xã hội để tiến hành cho vay theo quy trình, thủ tục do Ngân hàng chính sách xã hội quy định: 12 ngày làm việc.

**Lý do:** Các văn bản hướng dẫn chưa quy định thời hạn phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn là bao nhiêu ngày. Nếu quy định rõ thời gian phê duyệt sẽ giúp người dân chủ động hơn trong việc lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn vay của ngân hàng. Mặt khác, các cơ quan, tổ chức có liên quan sẽ không thể kéo dài thời hạn giải quyết thủ tục này cho người dân.

#### 1.5. Về yêu cầu điều kiện

- Bãi bỏ điều kiện: “Hộ (hoặc nhóm hộ) phải có phương hướng sản xuất, kế hoạch kinh doanh (tự lập hoặc được chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân ở cơ sở thôn bản giúp lập), được Ủy ban nhân dân xã xác nhận” tại Mục 1, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

**Lý do:** Điều kiện ‘Hộ gia đình cần có phương hướng sản xuất, kế hoạch kinh doanh’ là điều kiện cần có trong thực hiện chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Xét về yêu cầu cho vay thì “phương án sản xuất kinh doanh” có liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ cho vay của ngân hàng chính sách xã hội. Vậy để tránh

trùng lặp, gây phiền hà cho người dân khi làm thủ tục vay vốn, đề nghị bỏ yêu cầu điều kiện “cần có phương án sản xuất kinh doanh” tại trình tự xét duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn được vay vốn, chuyển sang phần thực hiện do ngân hàng chính sách xã hội quản lý.

- Bổ sung quy định: Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện ưu tiên cho vay theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

Lý do: Trình tự bình xét này của Ngân hàng trùng lặp với trình tự bình xét của các cấp khi phê duyệt danh sách thứ tự ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn. Khi xét duyệt thủ tục cho vay, Ngân hàng chính sách xã hội chỉ cần dựa vào danh sách đã phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện để tiến hành cho vay theo từng đợt, theo thứ tự ưu tiên đã có trong danh sách.

Nếu bỏ bớt trình tự này, Ngân hàng và người dân sẽ tiết kiệm được chi phí và thời gian để xét duyệt.

#### 1.6. Về cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Sửa tên cơ quan thực hiện thủ tục hành chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc là “Ủy ban nhân dân cấp xã”, không phải là “Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện”.

**Lý do:** Cơ quan trực tiếp phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn là Ủy ban nhân dân huyện chứ không phải là Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện. Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện chỉ là đơn vị thực hiện thủ tục cho vay vốn.

### **2. Kiến nghị thực thi**

- Về tên thủ tục: Sửa tiêu đề Mục 1, Phần II, Phụ lục lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về trình tự thực hiện:

+ Sửa đổi Mục 2 Phần I tại Thông tư số 02/2007/TT-UBND ngày 7/6/2007 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

+ Sửa đổi Điểm 2.2, Mục 2 Phần I tại văn bản số 933/UBND – CSDT ngày 20/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 126/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Về thành phần hồ sơ: Sửa Điểm c, Mục 1, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về thời hạn giải quyết thủ tục: Bổ sung mục “thời hạn phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn” tại Mục 4 Phần II của Thông tư số 02/2007/TT-UBND ngày 7/6/2007 của Ủy ban Dân tộc.

- Về yêu cầu, điều kiện:

+ Bỏ Mục 1, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

+ Bổ sung điều kiện “ Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện ưu tiên cho vay theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt” tại Điểm c, Mục 2, Điều 1 tại Quyết định 32/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tại Mục 5, Phần I Thông tư số 02/2007/TT-UBND ngày 7/06/2007 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

- Về cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sửa lại cơ quan thực hiện TTHC “là Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điểm e, Mục 1, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

## **2. Thủ tục hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường - B-UBA-072086-TT**

### ***1. Nội dung đơn giản hóa***

#### **1.1. Về thời hạn giải quyết**

- Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày thôn bản bắt đầu bình xét hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường). Cụ thể:

+ Thôn, bản căn cứ vào kế hoạch được thông báo, tổ chức họp bình xét công khai hộ được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường theo thứ tự được ưu

tiên, lập biên bản cuộc họp có sự tham gia của đại diện các tổ chức đoàn thể: 01 ngày làm việc.

+ Trưởng thôn, bản lập danh sách hộ gia đình nghèo được ưu tiên hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 02 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường vào đối tượng thụ hưởng chung theo Chương trình 135 của từng xã, trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét: 10 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra quyết định phê duyệt: 12 ngày làm việc (cân đối khả năng ngân sách và khả năng thực tế của từng địa phương).

**Lý do:** Các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện chính sách không quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường là bao nhiêu ngày.

- Quy định thời hạn tối đa thực hiện việc giải ngân hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường (hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật) là 03 tháng.

**Lý do:** Các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách không quy định thời hạn thực hiện giải ngân hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường là bao lâu. Do vậy, hộ nghèo có thể phải đợi một thời gian dài mới được hỗ trợ tiền hoặc hiện vật để xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh, chuồng trại. Kinh phí, hiện vật hỗ trợ cấp cho người dân có thể bị chia lẻ, kéo dài, gây khó khăn cho người dân thực hiện xây dựng, sửa chữa nhà vệ sinh, chuồng trại....

## 1.2. Về đối tượng thụ hưởng

- Quy định các xã mới được tách ra từ xã thuộc Chương trình 135 (tách theo địa giới hành chính) vẫn tiếp tục được hưởng các chính sách về hỗ trợ cải thiện vệ sinh môi trường, hỗ trợ học sinh đi học và các chính sách khác của Đảng và Nhà nước dành cho hộ nghèo sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn.

**Lý do:** Nếu thực hiện theo đúng quy trình về phê duyệt danh sách các xã thuộc Chương trình 135 thì các xã và những hộ dân sống ở xã mới chia tách phải chờ đợi rất lâu mới được tiếp tục hưởng các chính sách hỗ trợ, đầu tư của Chương trình 135. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân từ việc hỗ trợ sản xuất, đào tạo dạy nghề, hỗ trợ học sinh đi học, cải thiện vệ sinh môi trường... đều bị gián đoạn, không được đầu tư hỗ trợ tiếp khi họ bị chia tách xã. Thời gian phê duyệt cho các xã mới tách được

công nhận là các xã thuộc Chương trình 135 không rõ là bao lâu, người dân nghèo mất cơ hội thụ hưởng chính sách khi Chương trình kết thúc mà vẫn chưa có quyết định phê duyệt.

## **2. Kiến nghị thực thi**

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung Mục 3 Phần II Thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc.

- Về đối tượng thực hiện: Bổ sung Mục 1.1 Phần II Thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc.

## **3. Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng Sông Cửu long - B-UBA-060049-TT**

### **1. Nội dung đơn giản hoá**

#### 1.1. Về trình tự thực hiện

- Bổ sung nội dung mục trình tự thực hiện của thủ tục này tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc, cụ thể là: “Bước 5: Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành triển khai các bước để giao đất ở cho hộ dân theo định mức phù hợp với tình hình thực tế của từng tỉnh”.

**Lý do:** Trình tự thực hiện đã kê khai tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của Ủy ban Dân tộc còn thiếu.

#### 1.2. Về thời hạn giải quyết

- Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long tối đa là 30 ngày làm việc (kể từ ngày phum, ấp, sóc... bắt đầu bình xét hộ dân tộc được thụ hưởng chính sách, với điều kiện địa phương đã được cấp ngân sách đủ theo đề án, kế hoạch được phê duyệt). Cụ thể:

+ Tổ chức họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn chưa có đất ở tại cơ sở xóm, ấp, phum, sóc: 01 ngày làm việc.

+ Tổng hợp danh sách hộ gia đình dân tộc thiểu số được hỗ trợ giải quyết đất ở kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ gia đình dân tộc thiểu số được hỗ trợ giải quyết đất ở tại xã để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 05 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất ở : 03 ngày làm việc.

+ Chính quyền, Ủy ban nhân dân các cấp đứng ra tạo quỹ đất (đất tự tạo, đất thương lượng, đất thu hồi, chưa sử dụng...) để cấp đất ở trực tiếp cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã được phê duyệt: 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện chính sách không quy định cụ thể thời hạn giải quyết thủ tục.

## ***2. Kiến nghị thực thi***

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung Điểm a, Mục 4, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung mục “thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long” trong Phần II, sau Mục 4 “Nội dung hỗ trợ” tại văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **4. Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu long - B-UBA-060056-TT**

### ***1. Nội dung đơn giản hoá***

#### **1.1. Về trình tự thực hiện**

- Bổ sung nội dung mục trình tự thực hiện của thủ tục này tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc, cụ thể là: “Bước 5: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã và ngân hàng chính sách xã hội tiến hành triển khai các bước để giao đất sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số; thực hiện thủ tục thanh toán và vay vốn đối với phần đất sản xuất mà hộ dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã được cấp”.

**Lý do:** Trình tự thực hiện đã kê khai tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 của Ủy ban Dân tộc còn thiếu.

#### **1.2. Về thời hạn giải quyết**

- Quy định rõ thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn tối đa là 45 ngày làm việc (kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp bình xét các hộ gia đình được hỗ trợ đất sản xuất tại cơ sở phum, sóc, ấp; với điều kiện địa phương đã được cấp ngân sách đủ theo đề án được phê duyệt). Cụ thể:

+ Tổ chức họp bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn chưa có đất sản xuất theo thứ tự ưu tiên tại cơ sở xóm, ấp, phum, sóc: 01 ngày làm việc.

+ Tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo thứ tự được ưu tiên kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất tại xã để trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 07 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất theo thứ tự được ưu tiên: 06 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân các cấp đứng ra tạo quỹ đất sản xuất (đất thương lượng, đất thu hồi, chưa sử dụng ...) để cấp đất và thanh toán kinh phí tạo quỹ đất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã được phê duyệt; Phối hợp cùng Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện thủ tục vay vốn đối với phần đất sản xuất mà hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã được cấp: 30 ngày làm việc.

**Lý do:** Các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện chính sách không quy định cụ thể thời hạn giải quyết hỗ trợ đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn là bao nhiêu ngày.

### 1.3. Về đối tượng thực hiện

- Bổ sung đối tượng “hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã cầm cố đất nay muốn chuộc lại đất để sản xuất” vào đối tượng được thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09 tháng 6 năm 2008.

**Lý do:** Đối tượng được phê duyệt theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, chưa được hưởng các chính sách của Nhà nước về đất sản xuất thì được hỗ trợ và vay vốn để có đất sản xuất.

Trên thực tế hiện nay tại các tỉnh, nhiều hộ dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn có nhu cầu được hỗ trợ và vay vốn để chuộc lại đất đã cầm cố trước đây để sản xuất. Các địa phương hiện đang vướng không giải quyết hỗ trợ được cho đối tượng này do chính sách chưa quy định. Vậy để tạo điều kiện giúp bà con dân tộc thiểu số có đất sản xuất, dần từng bước ổn định cuộc sống, đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 có thêm đối tượng “hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đã cầm cố đất sản xuất”.

#### 1.4. Về yêu cầu, điều kiện

- Bãi bỏ nguyên tắc: “hộ gia đình dân tộc thiểu số phải có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp” khi xét hộ được cấp đất sản xuất.

**Lý do:** Phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đều chưa có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. Do vậy, yêu cầu hộ đồng bào dân tộc thiểu số phải “có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp” thì mới được xét giao đất sản xuất là không phù hợp. Nếu lấy điều kiện này làm cơ sở để hỗ trợ cấp đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thì đối tượng được hưởng chính sách rất ít và không đạt được mục tiêu chính sách đã đề ra.

- Bổ sung quy định Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện ưu tiên cho vay theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

**Lý do:** Trình tự bình xét này của Ngân hàng trùng lặp với trình tự bình xét của các cấp khi phê duyệt danh sách thụ tự ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết đất sản xuất. Khi xét duyệt thủ tục cho vay, Ngân hàng chính sách xã hội chỉ cần dựa vào danh sách đã phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện để tiến hành cho vay theo từng đợt, theo thứ tự ưu tiên đã có trong danh sách.

Nếu bỏ bớt trình tự này, Ngân hàng và người dân sẽ tiết kiệm được chi phí và thời gian để xét duyệt.

#### 1.5. Nội dung khác:

- Về định mức đất sản xuất cấp cho mỗi hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn: Quy định thêm trường hợp với các tỉnh không đủ quỹ đất để cấp cho các hộ theo định mức đã quy định, nếu hộ đồng bào dân tộc thiểu số tự nguyện muốn nhận đất và có phương án sản xuất kinh doanh tốt, đảm bảo được đời sống thì vẫn tiến hành hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo như quy định

(Mức hỗ trợ ngân sách Trung ương và mức vay Ngân hàng Chính sách xã hội tương ứng với tỉ lệ đất sản xuất được cấp).

**Lý do:** Quy định về diện tích tối thiểu đất sản xuất tại Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ là không thực tế (0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất đồi, gò hoặc đất nuôi trồng thủy sản), vì phần lớn quỹ đất của các tỉnh không còn đủ để cấp cho các hộ thiếu đất sản xuất. Nếu căn cứ theo định mức diện tích đất sản xuất tối thiểu làm điều kiện cho vay vốn thì Ngân hàng Chính sách xã hội không triển khai cho vay vốn được do các hộ không được cấp đủ diện tích đất sản xuất. Vậy cần quy định riêng cho trường hợp các tỉnh không đủ quỹ đất để đảm bảo thực hiện được mục tiêu chính sách.

## **2. Kiến nghị thực thi**

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung Điểm a, Mục 5, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung mục “thời hạn hỗ trợ giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long” trong Phần II, sau Mục 4 tại văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Về đối tượng thực hiện: Bổ sung Điểm a, Mục 2 Điều 1 của Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Mục 1, Phần II tại văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg.

- Về yêu cầu, điều kiện:

+ Bổ nguyên tắc “có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp” tại Điểm a Mục 3, Điều 1 của Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Bổ sung quy định “Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện ưu tiên cho vay theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt” tại Điểm a, Mục 3, Điều 1 của Quyết định 74/2008/QĐ-TTg và tại Mục 5, Phần II của văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg.

- Về định mức đất sản xuất: Bổ sung Điểm b Mục 2 Điều 2 Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Điểm b Mục 4.2 Phần II Văn bản số 886/UBNDT-CSĐT ngày 03/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

## **5. Thủ tục hỗ trợ giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu long - B-UBA-060055-TT**

### **1. Nội dung đơn giản hoá**

#### **1.1. Về trình tự thực hiện**

- Bổ sung nội dung mục trình tự thực hiện của thủ tục này tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBNDT ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc, cụ thể là: “Bước 5: Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng chính sách xã hội tiến hành triển khai các bước để hỗ trợ cho hộ dân được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, vay vốn để làm dịch vụ sản xuất, hoặc đi xuất khẩu lao động... theo nhu cầu của từng hộ”.

**Lý do:** Trình tự thực hiện đã kê khai tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBNDT ngày 12/8/2009 của Ủy ban Dân tộc còn thiếu.

#### **1.2. Về thời hạn giải quyết**

- Quy định rõ thời hạn hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long tối đa 30 ngày làm việc (kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp bình xét các hộ gia đình được hỗ trợ giải quyết việc làm tại cơ sở phum, sóc, ấp với điều kiện địa phương đã được cấp ngân sách đủ theo đề án được phê duyệt). Cụ thể:

+ Ủy ban nhân dân xã tổ chức họp bình xét theo thứ tự ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề ở xóm, ấp, phum, sóc: 01 ngày làm việc.

+ Các xóm, phum, ấp, sóc... tổng hợp danh sách thứ tự ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được xét hỗ trợ giải quyết việc làm theo từng nhu cầu: học nghề, đào tạo nghề đi xuất khẩu lao động, vay vốn để chuyển đổi nghề hoặc để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp... Danh sách tổng hợp kèm theo biên bản họp gửi Ủy ban nhân dân xã: 01 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã rà soát, tổng hợp danh sách hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ theo từng nhóm của xã: Hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn để chuyển đổi ngành nghề; đi xuất khẩu lao động; vay vốn để sản xuất và kinh doanh thêm ngành nghề dịch vụ khác (với những hộ không có nhu cầu học nghề). Danh sách tổng hợp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt: 05 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt: 03 ngày làm việc.

+ Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng chính sách xã hội tiến hành triển khai các bước để hỗ trợ cho hộ dân được đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, vay vốn để làm dịch vụ sản xuất, hoặc đi xuất khẩu lao động... theo nhu cầu của từng hộ: 20 ngày làm việc.

**Lý do:** Các văn bản quy định và hướng dẫn thực hiện chính sách không quy định cụ thể thời gian hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn là bao nhiêu ngày.

### 1.3. Về yêu cầu, điều kiện

- Bổ sung quy định Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện ưu tiên cho vay theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

**Lý do:** Trình tự bình xét này của Ngân hàng trùng lặp với trình tự bình xét của các cấp khi phê duyệt danh sách thụ tự ưu tiên hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn được hỗ trợ giải quyết việc làm. Khi xét duyệt thủ tục cho vay, Ngân hàng chính sách xã hội chỉ cần dựa vào danh sách đã phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện để tiến hành cho vay theo từng đợt, theo thứ tự ưu tiên đã có trong danh sách.

Nếu bỏ bớt trình tự này, Ngân hàng và người dân sẽ tiết kiệm được chi phí và thời gian để xét duyệt.

## 2. Kiến nghị thực thi

- Về trình tự thực hiện: Bổ sung Điểm a, Mục 6, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung mục “thời hạn giải quyết thủ tục hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long” trong Phần II, sau Mục 4 tại văn bản số 886/UBND-CSĐT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về yêu cầu, điều kiện: Bổ sung Điểm a, Mục 3, Điều 1 của Quyết định 74/2008/QĐ-TTg và tại Mục 5, Phần II của văn bản số 886/UBDT-CSDT ngày 3/10/2008 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg ngày 9/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

## **6. Thủ tục hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học-B-UBA-072086-TT**

### **1. Nội dung đơn giản hoá**

#### **1.1. Về trình tự thực hiện**

- Quy định trình tự thực hiện thủ tục này như sau:

+ Bước 1: Gia đình học sinh thuộc diện hộ nghèo đang sinh sống tại xã, thôn đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II làm đơn nộp cho các trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường THCS, trường PTTH để đăng ký được hưởng chính sách hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo.

+ Bước 2: Các trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường THCS, trường PTTH lập danh sách học sinh con hộ nghèo học mẫu giáo, học sinh bán trú đang học tại trường, gửi UBND xã có học sinh theo học để đối chiếu, xác nhận đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách (Trường hợp xã không có trường mà chỉ có lớp mẫu giáo thì do UBND xã lập).

+ Bước 3: UBND huyện tổng hợp danh sách của các xã, trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Bước 4: UBND tỉnh tổng hợp đối tượng thụ hưởng và mức kinh phí thực hiện vào trong dự toán chung của Chương trình 135; Căn cứ khả năng ngân sách và điều kiện thực tế, UBND tỉnh quyết định kế hoạch thực hiện giao cho các huyện.

+ Bước 5: UBND huyện căn cứ trên kế hoạch được UBND tỉnh giao tiến hành giao kế hoạch thực hiện cho các xã để hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo. Riêng đối với các trường PTTH, THCS, tiểu học là những đơn vị tài chính độc lập có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước huyện, UBND huyện giao thẳng cho từng trường để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh.

**Lý do:** Quy định rõ trình tự thực hiện thủ tục để giúp các hộ gia đình nghèo thực hiện thủ tục xin học cho con em mình được rõ ràng, thuận tiện.

#### **1.2. Về thành phần hồ sơ**

- Ban hành mẫu đơn đề nghị.

**Lý do:** Thống nhất mẫu đơn để tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục.

### 1.3. Về thời hạn thực hiện

- Quy định rõ thời hạn thực hiện việc hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học tối đa 50 ngày làm việc (tính từ thời điểm trường học tổng hợp danh sách học sinh để gửi UBND xã xác nhận). Cụ thể:

+ Các trường tổng hợp danh sách học sinh con hộ nghèo học mẫu giáo, học sinh bán trú đang học tại trường, gửi UBND xã có học sinh theo học: 07 ngày làm việc.

+ UBND xã có học sinh theo học đối chiếu với danh sách các trường đã lập, xác nhận danh sách học sinh đúng đối tượng được thụ hưởng chính sách, trình UBND huyện: 15 ngày làm việc.

+ UBND huyện tổng hợp danh sách các xã lập trình UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

+ Căn cứ khả năng ngân sách và điều kiện thực tế, UBND tỉnh quyết định kế hoạch thực hiện giao cho các huyện để hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các trường: 15 ngày làm việc.

+ UBND huyện giao kế hoạch thực hiện cho các xã, riêng đối với các trường PTTH, THCS, tiểu học là những đơn vị tài chính độc lập có tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước huyện, UBND huyện giao thẳng cho từng trường để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh: 08 ngày làm việc.

+ Các trường học cấp tiền mặt cho học sinh từng tháng vào cuối tháng theo định mức và số ngày học thực tế.

**Lý do:** Các văn bản quy định về thủ tục này chưa quy định thời hạn thực hiện việc hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học. Việc này khiến người dân phải chờ đợi thời gian dài mới biết con em mình có được hỗ trợ học phí hay không .

## ***2. Kiến nghị thực thi***

- Về trình tự thực hiện: Sửa đổi Điểm a, Mục 2, Phần II, Phụ lục II kèm theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 12/8/2009 về công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc.

- Về thành phần hồ sơ: Ban hành mẫu đơn đề nghị kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc.

- Về thời hạn giải quyết: Bổ sung mục thời hạn giải quyết hỗ trợ học sinh con hộ nghèo đi học tại Mục 3, Phần II của Thông tư số 06/2007/TT-UBDT ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về “Hướng dẫn thực hiện mức Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý, để nâng cao nhận thức pháp luật theo Quyết định 112/2007/QĐ-TTg”.